

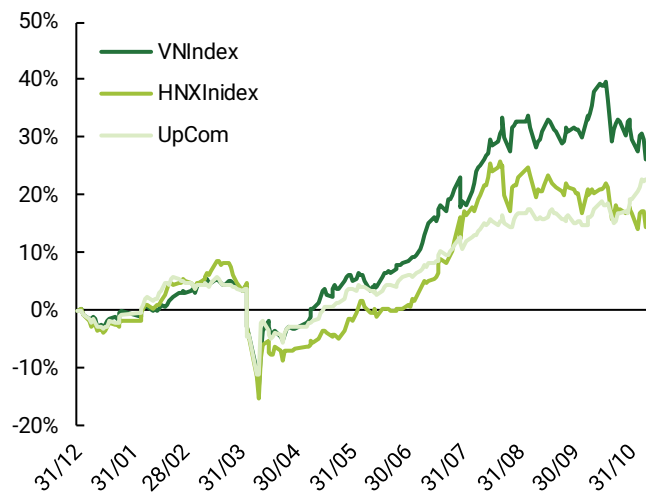
VN-Index **1599.1 (-2.65%)**
890 Tr. cổ phiếu 24732.0 Tỷ VND (37.62%)

HNX-Index **260.11 (-2.27%)**
99 Tr. cổ phiếu 2590.5 Tỷ VND (34.80%)

UPCOM-Index **116.75 (0.46%)**
39 Tr. cổ phiếu 751.5 Tỷ VND (-12.96%)

VN30F1M **1827.80 (-2.07%)**
286,240 HD OI: 38,538 HD

% Hiệu suất từ đầu năm (YTD) các chỉ số



NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

- Diễn biến:** Chỉ số VNIndex đóng cửa phiên tại 1599.1, giảm 43.5 điểm (-2.65%). Thanh khoản gia tăng với độ rộng áp đảo ở phe bán. Phản ứng kém cũng diễn ra ở VN30, HNXIndex.
- Điểm nhấn trong phiên:** Nhóm Vingroup sụt giảm mạnh về cuối phiên kéo theo tâm lý thận trọng và áp lực bán cũng lan rộng hơn trên toàn thị trường. Thêm vào phản ứng tiêu cực, nhóm Ngân hàng, Chứng khoán vốn suy yếu gần đây tiếp tục diễn biến kém.
Nhóm ngành và cổ phiếu diễn biến tích cực trong phiên: Điện, nước & xăng dầu khí đốt: GAS (+1.3%), PPC (+1.9%) | Công nghệ: ICT (+6.7%), FPT (+0.8%). Nhóm ngành và cổ phiếu diễn biến yếu trong phiên: Ngân hàng: STB (-6.8%), LPB (-4.3%), CTG (-4.1%) | Bất động sản: VHM (-7.0%), KBC (-5.2%), KDH (-4.7%) | Thực phẩm và đồ uống: PAN (-5.5%), HAG (-4.8%) | Hàng & Dịch vụ Công nghiệp: VSC (-5.5%), GEE (-5.0%) | Dịch vụ tài chính: VIX (-6.7%), CTS (-4.2%), FTS (-4.0%)
Tác động chỉ số: Chiều tăng | GAS, FPT, NAB, SHI, KDC - Chiều giảm | VIC, VHM, CTG, VCB, VPB
Khối ngoại Bán ròng gần 1300 tỷ, tập trung nhiều ở STB, HDB, MBB, trong khi mua ròng HPG, FPT, PVD.

GÓC NHÌN KỸ THUẬT

- VN-Index** kết phiên với nến đỏ Marubozu và lùi về dưới ngưỡng 1600 điểm. Tâm lý lưỡng lự vẫn chi phối ở chiều mua khiến thị trường thiếu đi lực đỡ tại mốc hỗ trợ này và phần thắng đã nghiêng về phe cung. Dù vậy, mức giảm chưa quá xa ngưỡng tâm lý này, cùng với thanh khoản vẫn ở mức thấp, cho thấy khả năng quay lại kiểm định hoặc tiếp tục giằng co quanh đây. Hỗ trợ thấp hơn cho xu hướng quanh vùng 1540 - 1550 điểm, trong khi kháng cự trong chiều hồi phục là khu vực 1660 - 1680 điểm.
- Đối với HNX-Index**, lực cung cũng chi phối đẩy chỉ số về lại hỗ trợ 260. Thanh khoản chưa quá đột biến cho thấy giao dịch khả năng sẽ trở lại giằng co để tiếp tục kiểm định khu vực 255 - 260.
- Chiến lược chung:** Chỉ số lùi về dưới ngưỡng 1620 chạm đến ngưỡng hạ thêm tỷ trọng chủ động. Trường hợp NĐT đã đưa tài khoản về tỷ lệ an toàn nên tiếp tục đứng ngoài quan sát thị trường. Chiều mua mới chỉ phù hợp khẩu vị lướt sóng (vào nhanh thoát nhanh). Với khẩu vị này, NĐT có thể theo dõi khả năng tạo đáy thứ hai ở các nhóm ngành, cổ phiếu khi quay về kiểm định tốt hỗ trợ, nổi bật như: Dầu khí, Xuất khẩu, Tiện ích, Công nghệ.

CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ

Bán FRT (Xem tiếp tại trang 7)

Diễn biến thị trường từ đầu năm đến hiện tại

Chỉ số	Giá đóng cửa				% Thay đổi				Giá trị giao dịch (Tỷ VND)	% Biến động giá trị giao dịch so với			Khối lượng giao dịch (Triệu CP)	% Biến động khối lượng giao dịch so với		
		(%) 1D	(%) 1W	(%) 1M	01 phiên trước	Trung bình 01 tuần	Trung bình 01 tháng	01 phiên trước		Trung bình 01 tuần	Trung bình 01 tháng					
Theo chỉ số																
VN-Index	1,599.1 ▼	-2.7%	-2.5%	-5.1%	24,732.0 ▲	37.6%	-10.7%	-3.8%	890.1 ▲	44.1%	5.1%	0.8%				
HNX-Index	260.1 ▼	-2.3%	-2.2%	-4.7%	2,590.5 ▲	34.8%	40.9%	3.9%	99.4 ▲	16.2%	20.2%	-7.5%				
UPCOM-Index	116.8 ▬	0.5%	2.9%	5.9%	751.5 ▼	-13.0%	-21.7%	56.8%	39.5 ▲	95.8%	-38.2%	21.4%				
VN30	1,824.7 ▼	-2.4%	-3.2%	-4.4%	14,407.7 ▲	47.2%	1.3%	0.9%	408.5 ▲	61.8%	26.3%	3.5%				
VNMID	2,239.1 ▼	-2.8%	-4.6%	-8.8%	8,518.3 ▲	26.8%	-23.0%	-8.4%	330.0 ▲	34.5%	-13.3%	-1.5%				
VNSML	1,504.6 ▼	-1.5%	-2.3%	-4.7%	1,227.2 ▲	12.2%	-33.1%	-9.4%	82.1 ▲	16.0%	-25.7%	-7.3%				
Theo ngành (VNIndex)																
Ngân hàng	614.0 ▼	-2.5%	-1.65%	-7.3%	6,898.2 ▲	56.6%	16.5%	-24.6%	266.7 ▲	56.9%	15.2%	-23.7%				
Bất động sản	599.5 ▼	-4.2%	-1.1%	5.8%	4,346.5 ▲	15.1%	-3.1%	-38.1%	143.7 ▲	20.9%	-13.2%	-37.3%				
Dịch vụ tài chính	310.9 ▼	-2.9%	-3.3%	-15.0%	3,507.3 ▲	43.2%	-17.1%	-36.0%	130.1 ▲	44.9%	-14.8%	-27.3%				
Công nghiệp	260.3 ▼	-3.2%	-3.1%	6.3%	1,393.3 ▲	10.4%	-26.0%	-41.6%	35.7 ▲	15.8%	-22.6%	-29.6%				
Tài nguyên cơ bản	519.6 ▼	-0.2%	-2.2%	-9.3%	1,930.4 ▲	151.9%	88.8%	12.3%	83.1 ▲	144.9%	79.7%	16.4%				
Xây dựng - Vật Liệu	187.0 ▼	-2.5%	-1.1%	-1.5%	1,261.8 ▲	13.7%	-15.9%	-35.3%	46.9 ▲	5.5%	-23.7%	-38.8%				
Thực phẩm	537.1 ▼	-1.5%	0.2%	-1.9%	1,536.5 ▲	66.6%	-2.1%	-34.1%	46.8 ▲	97.5%	10.4%	-11.6%				
Bán Lẻ	1,411.7 ▼	-4.0%	-3.9%	4.5%	865.0 ▲	18.1%	-9.9%	-20.9%	11.8 ▲	12.6%	-7.8%	-19.8%				
Công nghệ	534.0 ▬	0.7%	-2.4%	4.5%	651.7 ▼	-9.4%	-60.1%	-53.5%	8.1 ▼	-3.8%	-54.7%	-51.1%				
Hóa chất	166.6 ▼	-2.8%	1.1%	2.6%	533.3 ▲	13.5%	-26.4%	-9.7%	16.8 ▲	14.9%	-23.1%	-8.1%				
Tiện ích	659.5 ▬	0.2%	1.6%	0.6%	266.9 ▲	43.1%	-8.3%	-19.3%	12.1 ▲	47.0%	-8.8%	-17.5%				
Dầu khí	73.5 ▼	-2.6%	1.7%	1.0%	667.1 ▲	49.6%	4.3%	38.2%	27.4 ▲	46.8%	-3.2%	39.7%				
Dược phẩm	426.1 ▼	-0.8%	0.8%	-0.2%	45.5 ▼	-4.8%	-57.5%	-36.9%	1.9 ▲	10.6%	-48.5%	-34.6%				
Bảo hiểm	86.5 ▼	-3.6%	5.1%	-1.1%	46.3 ▲	45.2%	-42.9%	-1.1%	1.6 ▲	57.1%	-42.9%	-2.3%				

Nguồn: FiinPro, PHS tổng hợp

Diễn biến chỉ số chứng khoán của các thị trường trong khu vực và thị trường lớn trên Thế giới

Chỉ số	Thị trường	Giá đóng cửa	% Thay đổi giá		Chỉ số định giá	
			1 ngày	YTD	P/E	P/B
VN-Index	Việt Nam	1,599.1 ▼	-2.7%	26.2%	15.9x	2.0x
SET-Index	Thái Lan	1,303 ▼	-0.8%	-6.9%	16.8x	1.3x
JCI-Index	Indonesia	8,395 ▬	0.7%	18.6%	22.6x	2.2x
FTSE Bursa Malaysia	Malaysia	12,034 ▼	-0.03%	-4.4%	16.0x	1.4x
PSEi Index	Phillipines	5,759 ▼	-1.3%	-11.8%	9.9x	1.2x
Shanghai Composite	Trung Quốc	3,998 ▼	-0.3%	19.3%	18.9x	1.6x
Hang Seng	Hồng Kông	26,242 ▼	-0.9%	30.8%	13.0x	1.4x
Nikkei 225	Nhật Bản	50,276 ▼	-1.2%	26.0%	22.7x	2.7x
S&P 500	Mỹ	6,720 ▼	-1.1%	14.3%	27.9x	5.5x
Dow Jones	Mỹ	46,912 ▼	-0.8%	10.3%	23.8x	5.1x
FTSE 100	Anh	9,686 ▼	-0.5%	18.5%	14.8x	2.3x
Euro Stoxx 50	Châu Âu	5,582 ▼	-0.52%	14.0%	17.3x	2.3x
DXV		100 ▼	-0.46%	-8.1%		
USDVND		26,308 ▼	-0.027%	3.2%		

Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú: Chỉ số S&P 500, Dow Jones, FTSE 100 và Euro Stoxx 50 lấy giá đóng cửa hôm trước

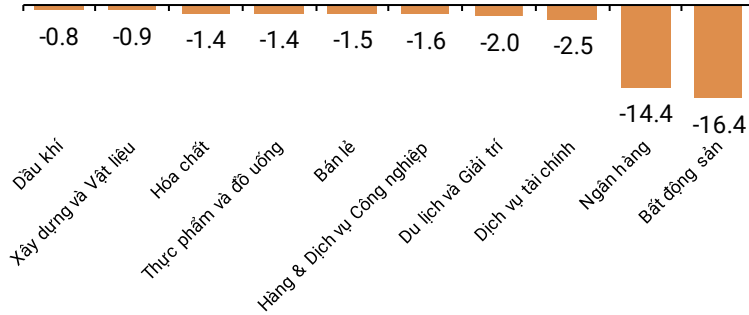
Biến động giá/ chỉ số các loại hàng hóa toàn cầu

Giá/ Chỉ số hàng hóa		% Thay đổi giá			
		1D	1M	% YTD	% YoY
Dầu Brent	▲	1.1%	-2.1%	-14.1%	-15.3%
Dầu WTI	▬	0.8%	-2.7%	-16.3%	-17.0%
Khí gas	▲	3.1%	24.8%	20.1%	62.0%
Than cốc (*)	▬	0.0%	10.8%	-4.3%	-14.9%
Thép HRC (*)	▼	-0.2%	-2.8%	-5.2%	-8.0%
PVC (*)	▬	0.4%	-2.3%	-7.6%	-12.9%
Phân Urea (*)	▼	-5.9%	-1.9%	7.5%	11.8%
Cao su thiên nhiên	▬	0.5%	-0.8%	-14.3%	-14.9%
Bông Cotton	▼	-1.0%	4.1%	-5.6%	-9.1%
Đường	▲	1.4%	-14.0%	-25.7%	-35.5%
World Container Index	▲	7.5%	17.3%	-48.5%	-43.1%
Baltic Dirty tanker Index	▼	-2.3%	29.3%	51.3%	52.2%
Vàng	▬	0.7%	0.6%	52.7%	48.1%
Bạc	▲	1.5%	1.9%	68.6%	52.1%

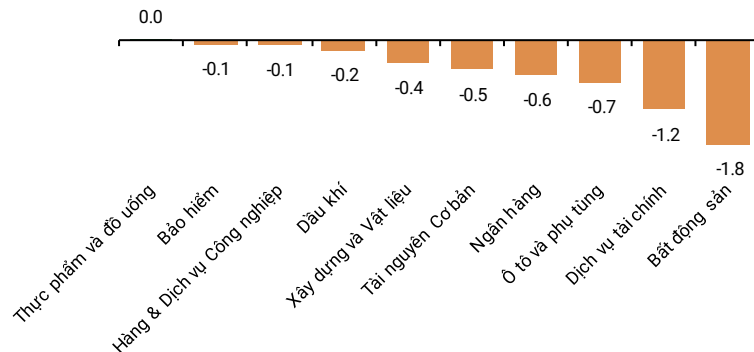
Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú (*) Chỉ số giá tại thị trường Trung Quốc

TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX



TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX

+0.01 (SMC)	-0.96 (TCB)
+0.01 (ICT)	-1.27 (MWG)
+0.01 (BBC)	-1.48 (LPB)
+0.01 (PPC)	-1.51 (STB)
+0.02 (SJS)	-1.58 (BID)
+0.03 (KDC)	-1.79 (VPB)
+0.03 (SHI)	-1.88 (VCB)
+0.04 (NAB)	-2.54 (CTG)
+0.31 (FPT)	-6.39 (VHM)
+0.44 (GAS)	-7.04 (VIC)

TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX

+0.01 (INN)	-0.15 (NTP)
+0.01 (GLT)	-0.17 (BAB)
+0.01 (SGC)	-0.18 (VIF)
+0.01 (TD6)	-0.23 (CEO)
+0.01 (MVB)	-0.30 (KSV)
+0.01 (IPA)	-0.44 (NVB)
+0.02 (NFC)	-0.45 (MBS)
+0.03 (PSD)	-0.62 (SHS)
+0.04 (TFC)	-0.73 (HUT)
+0.08 (PMC)	-1.44 (KSF)

BẢN TIN CHỨNG KHOÁN THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

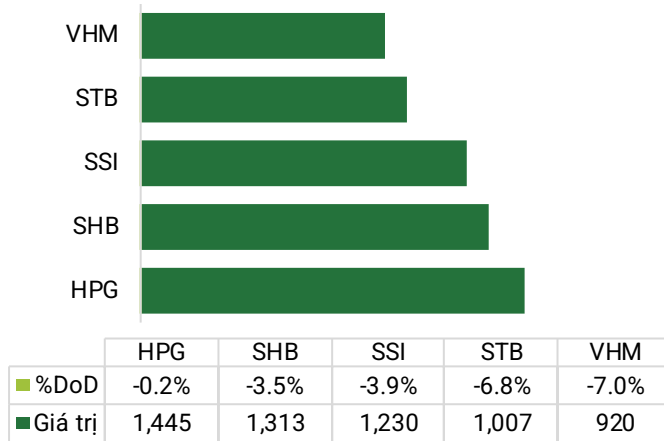
TOP CỔ PHIẾU NGTNN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - VNINDEX

+18 (GAS)	-70 (CTG)
+19 (FRT)	-72 (DXG)
+27 (TCB)	-76 (GEX)
+28 (MSN)	-93 (VIC)
+35 (MWG)	-98 (VHM)
+40 (VNM)	-100 (VCB)
+47 (TCX)	-106 (SSI)
+82 (PVD)	-113 (MBB)
+119 (FPT)	-166 (HDB)
+301 (HPG)	-298 (STB)

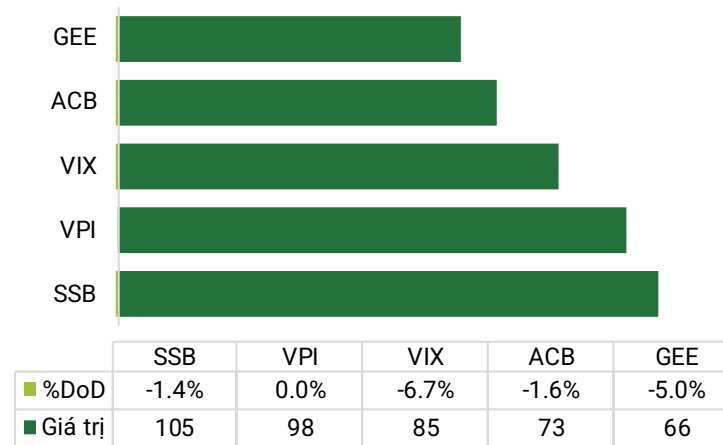
TOP CỔ PHIẾU NGTNN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - HNXINDEX

+0.0 (PSI)	-0.4 (MST)
+0.0 (IVS)	-0.6 (TNG)
+0.0 (KSF)	-0.7 (NTP)
+0.1 (IPA)	-0.7 (IDJ)
+0.1 (DL1)	-1.0 (VGS)
+0.1 (VTV)	-1.6 (VFS)
+0.2 (PVB)	-1.9 (DTD)
+3.3 (MBS)	-4.8 (HUT)
+6.1 (IDC)	-13.4 (CEO)
+103.7 (PVS)	-43.3 (SHS)

TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - VNINDEX

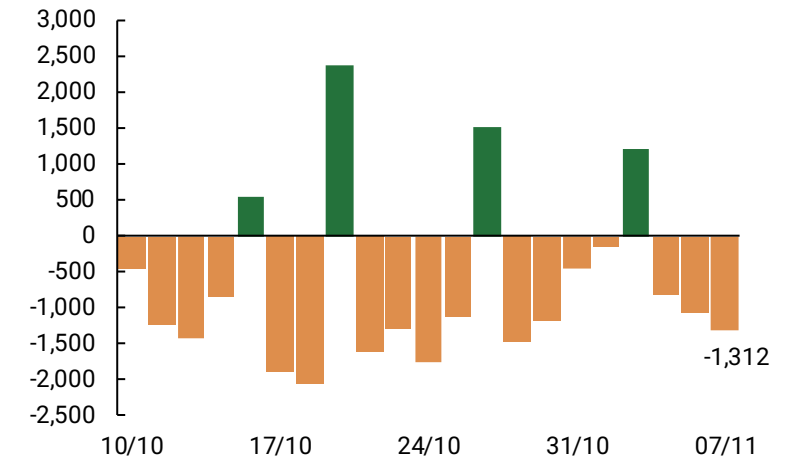


TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) VNINDEX

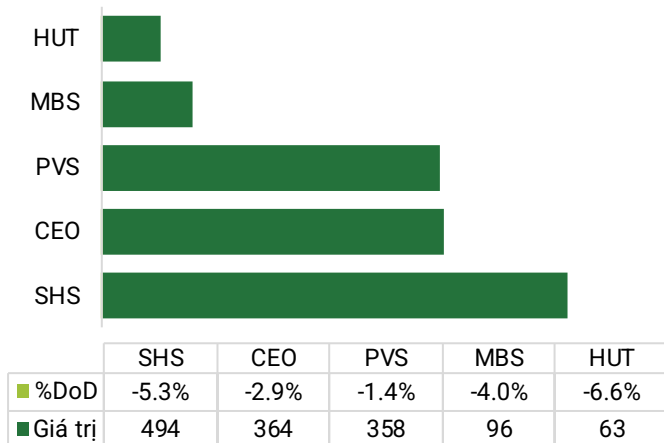


BẢN TIN CHỨNG KHOÁN THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

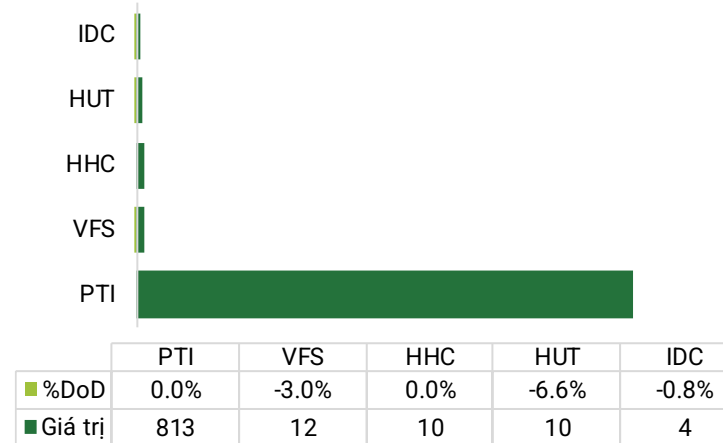
GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI VNINDEX (Tỷ VND)



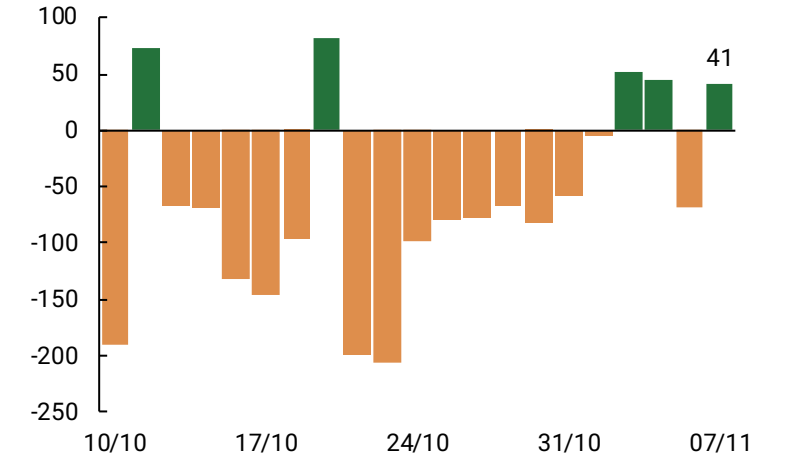
TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) HNXINDEX



GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI HNXINDEX (Tỷ VND)





Góc nhìn kỹ thuật VNindex

- ✓ Nến đỏ Marubozu, vol tăng nhưng dưới bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 1540 - 1560.
- ✓ Kháng cự: 1660 – 1680.
- ✓ Chỉ báo MACD, RSI suy yếu.
- ✓ Xu hướng: Điều chỉnh.

Kịch bản: Chỉ số lùi về dưới ngưỡng 1620 và thoát khỏi khung dao động 1620 – 1690 điểm, củng cố thêm cho áp lực điều chỉnh. Mốc hỗ trợ tâm lý 1600 điểm vừa bị xuyên thủng nhưng mức đóng cửa không thấp hơn quá nhiều, cùng với vol chưa đột biến, **hàm ý sẽ xuất hiện sự giằng co kiểm định lại quanh đây.** Khu vực hỗ trợ thấp hơn quanh ngưỡng 1540 – 1560 điểm



Góc nhìn kỹ thuật VN30

- ✓ Nến đỏ Marubozu, vol tăng nhưng dưới bình quân 20 phiên.
 - ✓ Hỗ trợ: 1800.
 - ✓ Kháng cự: 1870 - 1900.
 - ✓ Chỉ báo MACD, RSI suy yếu.
 - ✓ Xu hướng: Điều chỉnh.
- ➔ VN30 giảm với biên độ mạnh hơn và phủ định hoàn toàn nền bật tăng ngày 04/11, hàm ý áp lực điều chỉnh còn chi phối. **Chỉ số khả năng tiếp tục hạ nhiệt về vùng tâm lý 1800 điểm để kiểm định lực cầu.**

STOCK		STRATEGY	Technical			Financial Ratio		
Ticker	FRT	SELL	Current price		139.5	P/E (x)	44.1	
Exchange	HOSE		Action price		145	-3.8%	P/B (x)	7.6
Sector	Specialty Retailers		Selling price		10/11	139.5	EPS	3162.8
							ROE	24.9%
							Stock Rating	BBB
						Scale Market Cap	Medium	



TÍN HIỆU KỸ THUẬT

- Giá lùi về dưới ngưỡng MA20 ngày.
- Thanh khoản giảm cho thấy trạng thái thận trọng theo thị trường chung.
- Chỉ báo MACD cắt xuống đường tín hiệu, cùng với RSI cũng giảm về dưới mức trung bình 50, hàm ý động lượng tăng suy yếu.
- Rủi ro thị trường: Nếu VN-Index đảo chiều trở lại dưới ngưỡng 1620 điểm, áp lực bán sẽ lan rộng hơn. Sức ảnh hưởng của chỉ số chung lên cổ phiếu đơn lẻ là lớn và khó tránh khỏi.

- ➔ Xu hướng tăng suy yếu.
- ➔ Khuyến nghị Bán quanh giá hiện tại hoặc tận dụng nhịp hồi trong phiên.

Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủ ro giảm	Ghi chú
1	FRT	Bán	10/11/2025	139.5	145.0	-3.8%	162.0	11.7%	137	-5.5%	Rủ ro thị trường

Danh mục cổ phiếu đang khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Ngày cập nhật khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủ ro giảm	Ghi chú
1	CTR	Nắm giữ	30/10/2025	07/11/2025	89.30	91.8	-2.7%	102.0	11.1%	85.0	-7.4%	
2	CMG	Mua	04/11/2025	-	38.85	40.4	-3.8%	46.0	13.9%	37.5	-7.2%	
3	PLX	Mua	06/11/2025	-	34.00	35.20	-3.4%	39.0	10.8%	33.0	-6.3%	



Tín hiệu kỹ thuật

- Hợp đồng VN30F1M** đóng cửa tại 1827.8, giảm 38.7 điểm (-2.1%). Áp lực điều chỉnh chiếm ưu thế trong phần lớn thời gian giao dịch và gia tăng về cuối phiên. Dù giá có nỗ lực phục hồi nhưng phần thắng đã nghiêng về phe cung.
- Ở đồ thị 1 giờ**, chỉ báo RSI đã tiếp cận mức quá bán, cùng với phản ứng bật tăng khi tiếp cận hỗ trợ 1820, cho thấy lực cầu bắt đáy đang tham gia có thể tiếp tục thúc đẩy nhịp hồi kỹ thuật. Vùng kiểm định kỳ vọng quanh 1825 – 1845. Vị thế Short nên chờ ở kháng cự phía trên, khi giá hồi phục và suy yếu tại khu vực 1840 - 1845, hoặc có thể tham gia khi giá tiếp tục mất ngưỡng 1820. Vị thế Long chỉ nên cân nhắc khi giá bứt phá và củng cố trên ngưỡng 1856.
- Hợp đồng VN100F1M** đóng cửa tại 1752, giảm 38.4 điểm (-2.1%). Độ lệch basis mở rộng lên 16 điểm (cao hơn VN100 cơ sở). Hỗ trợ gần quanh khu vực 1740, trong khi kháng cự trong chiều hồi phục là ngưỡng 1770 - 1780.

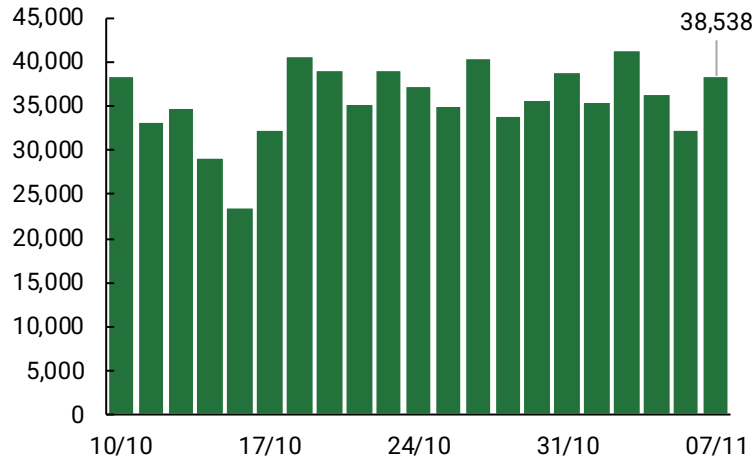
Chiến lược giao dịch trong ngày

Vị thế	Điểm vào	Chốt lời	Cắt lỗ	Lợi nhuận/ Rủi ro
Short	< 1.842	1.828	1.852	14 : 10
Short	< 1.820	1.805	1.830	15 : 10
Long	> 1.856	1.870	1.846	14 : 10

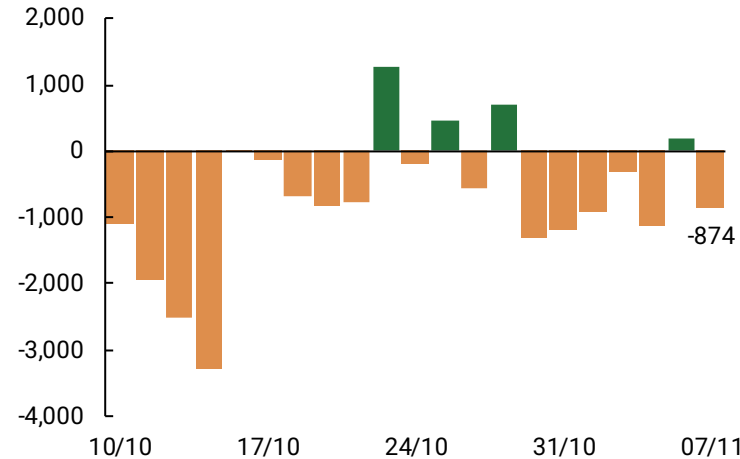
Thông kê hợp đồng tương lai

Mã hợp đồng	Giá đóng cửa	Thay đổi (điểm)	KL giao dịch	KL Mở	Giá lý thuyết	Chênh lệch	Ngày thanh toán	Thời hạn còn lại (ngày)
41I1G6000	1,825.0	-50.3	31	160	1,835.9	-10.9	18/06/2026	223
41I1G3000	1,815.0	-50.0	135	288	1,831.3	-16.3	19/03/2026	132
VN30F2512	1,820.5	-45.5	1,065	4,154	1,826.8	-6.3	18/12/2025	41
41I1FB000	1,827.8	-38.7	286,240	38,538	1,825.4	2.4	20/11/2025	13
41I2FB000	1,752.0	-38.4	67	93	1,736.6	15.4	20/11/2025	13

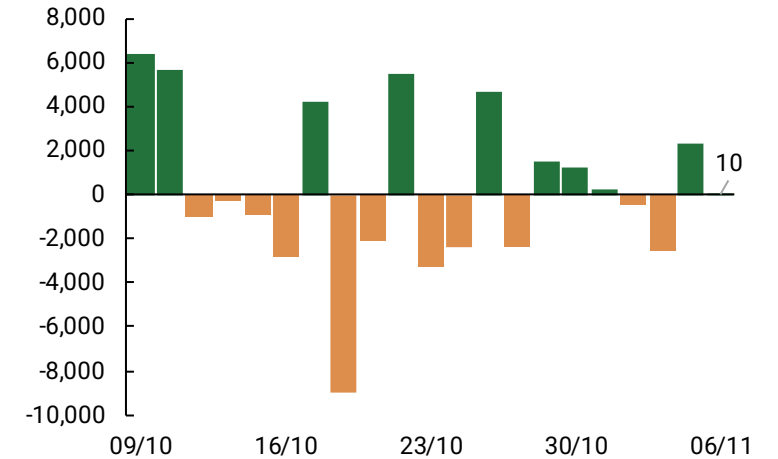
Khối lượng mở (Open interest)



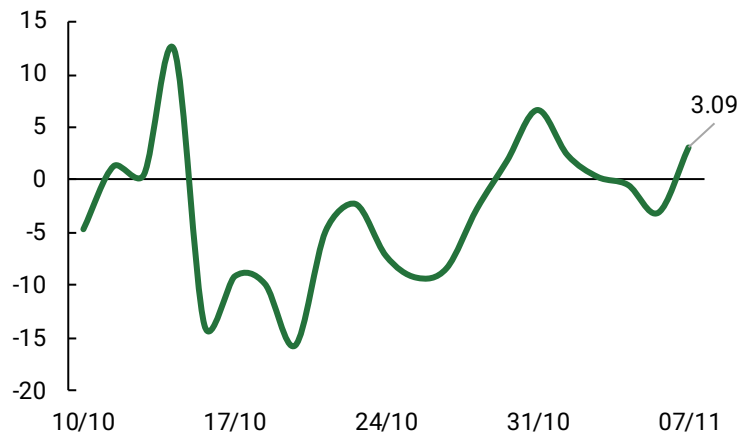
Khối lượng giao dịch ròng của khối ngoại (Hợp đồng)



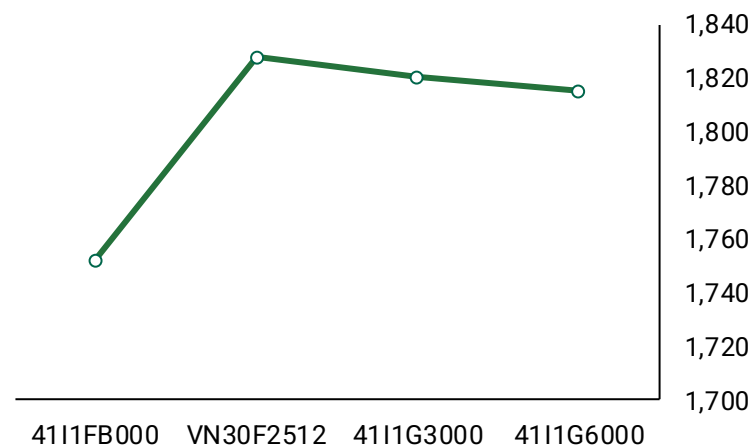
Khối lượng giao dịch ròng của tự doanh (Hợp đồng)



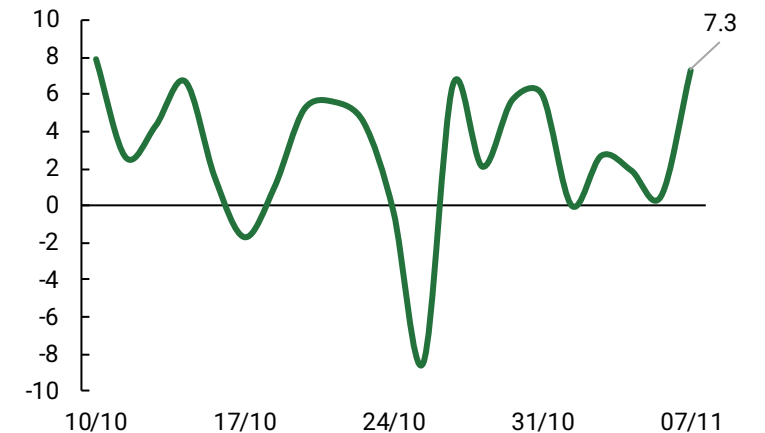
Basis hợp đồng tương lai



Đường cong hợp đồng tương lai



VN30F1M - VN30F2M



Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
AST	72,700	65,400	-10.0%	Bán
BCM	68,000	74,500	9.6%	Nắm giữ
CTD	84,700	92,400	9.1%	Nắm giữ
CTI	22,550	27,200	20.6%	Mua
DBD	52,800	68,000	28.8%	Mua
DDV	29,510	35,500	20.3%	Mua
DGC	93,100	102,300	9.9%	Nắm giữ
DGW	38,500	48,000	24.7%	Mua
DPR	36,700	41,500	13.1%	Tăng tỷ trọng
DRI	11,954	18,000	50.6%	Mua
EVF	12,100	14,400	19.0%	Tăng tỷ trọng
FRT	139,500	135,800	-2.7%	Giảm tỷ trọng
GMD	63,400	72,700	14.7%	Tăng tỷ trọng
HAH	60,800	67,600	11.2%	Tăng tỷ trọng
HDG	30,200	33,800	11.9%	Tăng tỷ trọng
HHV	13,900	12,600	-9.4%	Giảm tỷ trọng
HPG	26,050	12,600	-51.6%	Bán
IMP	48,650	55,000	13.1%	Tăng tỷ trọng

Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
MBB	23,300	22,700	-2.6%	Giảm tỷ trọng
MSH	37,600	47,100	25.3%	Mua
MWG	76,500	92,500	20.9%	Mua
NLG	37,650	39,950	6.1%	Nắm giữ
NT2	23,050	27,400	18.9%	Tăng tỷ trọng
PHR	54,100	72,800	34.6%	Mua
PNJ	87,500	95,400	9.0%	Nắm giữ
PVT	17,600	18,900	7.4%	Nắm giữ
SAB	46,100	59,900	29.9%	Mua
TLG	51,600	59,700	15.7%	Tăng tỷ trọng
TCB	33,000	35,650	8.0%	Nắm giữ
TCM	27,900	38,400	37.6%	Mua
TRC	74,100	94,500	27.5%	Mua
VCG	23,450	26,200	37.8%	Mua
VHC	56,000	60,000	6.7%	Nắm giữ
VNM	57,600	66,650	12.7%	Tăng tỷ trọng
VSC	20,800	17,900	18.4%	Tăng tỷ trọng

* Giá hợp lý đã điều chỉnh các quyền thực hiện sau ngày báo cáo

03/11	Việt Nam & Mỹ - Chỉ số PMI
05/11	Việt Nam – MSCI công bố đảo danh mục
06/11	Việt Nam - Công bố số liệu kinh tế tháng 10 và 10 tháng
07/11	Mỹ - Tỷ lệ thất nghiệp, Thay đổi việc làm phi nông nghiệp
09/11	Trung Quốc - CPI, PPI y/y
13/11	Mỹ - Chỉ số giá tiêu dùng (CPI)
14/11	Mỹ - Chỉ số giá sản xuất (PPI), Doanh số bán lẻ
	Việt Nam - Đảo hạn phái sinh
20/11	Mỹ - Biên bản cuộc họp FOMC Trung Quốc – Lãi suất cho vay cơ bản
26/11	Mỹ - Công bố số điều chỉnh GDP, PCE lõi
30/11	Cuộc họp OPEC

THÔNG TIN VĨ MÔ

Khách quốc tế đến Việt Nam vượt 17 triệu lượt: Khởi đầu mùa cao điểm du lịch quốc tế, Việt Nam đón 1,73 triệu lượt khách trong tháng 10, cao hơn 13,8% so với tháng trước và tăng 22,1% so với cùng kỳ. Tính chung 10 tháng, lượng khách quốc tế đạt gần 17,2 triệu lượt, cho thấy đà phục hồi và tăng tốc rõ nét.

FDI vào Việt Nam 10 tháng đạt hơn 31,5 tỷ USD, vốn thực hiện cao nhất 5 năm: Trong 10 tháng, Việt Nam tiếp tục thu hút mạnh dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài với tổng giá trị đăng ký đạt 31,52 tỷ USD, tăng 15,6% so với cùng kỳ năm trước. Đặc biệt, vốn thực hiện ước đạt 21,3 tỷ USD, cao nhất 5 năm qua. Trong số 87 quốc gia và vùng lãnh thổ có dự án đầu tư được cấp phép mới tại Việt Nam, Singapore là nhà đầu tư lớn nhất với 3,76 tỷ USD, chiếm 26,7% tổng vốn đăng ký cấp mới. Tiếp đến là Trung Quốc với 3,21 tỷ USD, chiếm 22,8% và Hồng Kông (9,8%), Nhật Bản (8,3%).

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

VIC - Ông Phạm Nhật Vượng lập công ty sản xuất máy bay, vũ trụ: VinGroup thành lập Công ty CP VinSpace với vốn điều lệ 300 tỷ đồng, tập trung vào sản xuất máy bay, tàu vũ trụ và các ngành nghề liên quan. Ông Phạm Nhật Vượng và các con góp vốn lớn, thể hiện chiến lược mở rộng sang lĩnh vực công nghệ cao và hàng không. Đây là bước đi mới của VinGroup trong đa dạng hóa hoạt động kinh doanh.

MWG - Thế Giới Di Động lập 2 công ty con quản lý chuỗi nhà thuốc An Khang và AVAkids: Công ty đã thông qua chủ trương tái cấu trúc, thành lập 2 công ty con riêng biệt quản lý chuỗi bán lẻ dược phẩm An Khang (Công ty TNHH Đầu tư Thiện Tâm, vốn 2,200 tỷ đồng) và sản phẩm mẹ & bé AVAkids (Công ty TNHH Đầu tư An Nhi, vốn 500 tỷ đồng). Mục tiêu nhằm phát triển độc lập, chuyên sâu và linh hoạt cho từng mảng, hướng tới tăng trưởng bền vững. Đồng thời, MWG dự kiến mua lại tối đa 10 triệu cổ phiếu quỹ, giảm vốn điều lệ tương ứng, với ngân sách tối đa 2,000 tỷ đồng từ nguồn vốn tự có.

LPBank triệu tập đại hội bất thường vào tháng 12: Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam (LPBank) triệu tập đại hội cổ đông bất thường tháng 12/2025. Báo cáo tài chính quý III cho thấy lợi nhuận trước thuế tăng 18,9% đạt 3.448 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế tăng 18,5%. Lũy kế 9 tháng, lợi nhuận trước thuế đạt 9.612 tỷ đồng, tăng 9%. Tổng tài sản và cho vay khách hàng đều tăng, tuy nhiên nợ xấu cũng tăng 32,4% lên 6.961 tỷ đồng, tỷ lệ nợ xấu tăng nhẹ. Kết quả kinh doanh tích cực nhưng có dấu hiệu rủi ro nợ xấu tăng.

REE muốn tăng vốn một công ty con lên 10.500 tỷ đồng: Cơ Điện Lạnh REE thông qua tăng vốn điều lệ công ty con REE Energy từ 7.248 tỷ đồng lên 10.500 tỷ đồng bằng hình thức góp vốn chủ sở hữu. Đồng thời, REE thành lập 2 công ty con mới để thực hiện dự án điện gió với tổng vốn điều lệ dự kiến lần lượt 677 tỷ đồng và 1.159 tỷ đồng, thể hiện chiến lược mở rộng trong lĩnh vực sản xuất và phân phối điện.

MCH - Masan Consumer đã nộp hồ sơ niêm yết HOSE: Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM (HOSE) mới thông báo nhận được hồ sơ niêm yết lần đầu của CTCP Hàng tiêu dùng Masan. Ngày nhận hồ sơ vào 5/11, do Chứng khoán Vietcap tư vấn niêm yết.

Đảm bảo phân tích

Báo cáo được thực hiện bởi **Lê Trần Khang, chuyên viên phân tích cao cấp – Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**. Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này

Định nghĩa xếp loại

MUA: Cổ phiếu có tiềm năng tăng giá hơn 20%.

TĂNG TỶ TRỌNG: Cổ phiếu có tiềm năng tăng giá từ 10% đến 20%.

NẮM GIỮ: Cổ phiếu cho thấy tiềm năng tăng trưởng hạn chế dưới 10%.

Hiệu suất được định nghĩa là tổng lợi nhuận trong 12 tháng (bao gồm cả cổ tức).

BÁN: Cổ phiếu có khả năng giảm hơn -10%.

GIẢM TỶ TRỌNG: Cổ phiếu có thể giảm nhẹ từ 0% đến -10%

KHÔNG XẾP HẠNG: Cổ phiếu không được xếp hạng trong phạm vi theo dõi của PHS hoặc chưa được niêm yết.

Miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo nghiên cứu này được chuẩn bị bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS) nhằm mục đích cung cấp thông tin. Thông tin được trình bày trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng PHS không đảm bảo về tính chính xác hoặc đầy đủ của thông tin đó. Các quan điểm, ước tính, và dự báo trong báo cáo này phản ánh đánh giá hiện tại của tác giả tại thời điểm phát hành báo cáo và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này không phải là một lời đề nghị bán hoặc mời chào mua bất kỳ loại chứng khoán nào. Báo cáo này không nhằm mục đích cung cấp tư vấn đầu tư cá nhân và không xét đến các mục tiêu đầu tư cụ thể, tình hình tài chính, hoặc nhu cầu của bất kỳ cá nhân nào. PHS, các công ty liên kết và/hoặc các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ có thể có lợi ích hoặc vị trí trong, và có thể thực hiện các giao dịch liên quan đến chứng khoán hoặc quyền chọn được đề cập trong báo cáo này. PHS cũng có thể thực hiện hoặc tìm cách thực hiện các dịch vụ ngân hàng đầu tư hoặc các dịch vụ khác cho các công ty được đề cập trong báo cáo này. PHS, các công ty liên kết của mình, cũng như các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ, không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất trực tiếp hoặc hệ quả nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hoặc nội dung của nó

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS)

Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 08 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Mỹ, Tp. HCM

Điện thoại: (+84-28) 5 413 5479 Fax: (+84-28) 5 413 5472

Hỗ trợ khách hàng: 1900 25 23 58

Hỗ trợ đặt lệnh: (+84-28) 5 413 5488

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn

Web: www.phs.vn

Chi nhánh Quận 1

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby, 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Phường Sài Gòn, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 535 6060

Fax: (84-28) 3 535 2912

Chi nhánh Thanh Xuân

Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex, N04 Hoàng Đạo Thúy, Phường Thanh Xuân, Hà Nội.

Điện thoại: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

Chi nhánh Quận 3

Tầng 4, D&D Tower, 458 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bàn Cờ, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Phường Hồng Bàng, Hải Phòng

Điện thoại: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801

Chi nhánh Tân Bình

Tòa nhà Park Legend, 251 Hoàng Văn Thụ, Phường Tân Sơn Hòa, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415